

Số: 2828/ĐA-UBND

Đức Thọ, ngày 11 tháng 10 năm 2023

ĐỀ ÁN

Tập trung, tích tụ ruộng đất giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030

PHẦN I

SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Đặt vấn đề

Sau khi hoàn thành công tác chuyển đổi ruộng đất lần thứ 2, toàn huyện có 17.618 hộ sản xuất nông nghiệp với tổng diện tích 6.549,83 ha đất trồng lúa, bình quân 3-4 thửa/hộ. Số thửa đất/hộ gia đình giảm đáng kể so với trước chuyển đổi, tạo điều kiện để ứng dụng khoa học, công nghệ, thực hiện cơ giới hóa vào sản xuất. Tuy nhiên, nhìn chung diện tích sản xuất của huyện vẫn còn nhỏ lẻ, manh mún; chưa có vùng sản xuất sản phẩm hàng hóa tập trung quy mô lớn; giá trị gia tăng chưa cao; chất lượng sản phẩm hàng hóa, sức cạnh tranh còn thấp; sản xuất chưa gắn kết với thị trường, chưa khai thác và sử dụng hợp lý các tiềm năng, lợi thế của đất đai.

Để đáp ứng xu hướng sản xuất nông nghiệp hàng hóa, ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất đồng thời thực hiện tốt Nghị quyết 06-NQ/TU ngày 8/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh về tập trung, tích tụ ruộng đất phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo, ủy ban nhân dân huyện xây dựng **“Đề án tập trung, tích tụ ruộng đất giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030”**.

2. Căn cứ để xây dựng Đề án

2.1. Căn cứ pháp lý

- Luật Đất đai năm 2013 và các Nghị định hướng dẫn thi hành;
- Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14/6/2018 và các Văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đo đạc bản đồ;
- Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;
- Nghị quyết 06/NQ-TU ngày 18/11/2021 của BCH Đảng bộ tỉnh về

lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tập trung, tích tụ ruộng đất gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo;

- Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh ban hành quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp nông thôn gắn với xây dựng NTM đạt chuẩn trên địa bàn Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025;

- Hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường về trình tự, thủ tục thực hiện tập trung, tích tụ ruộng đất theo Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 18/11/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh;

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Đức Thọ lần thứ XXX nhiệm kỳ 2020 - 2025;

- Nghị quyết số 04-NQ/HU ngày 28/9/2021 của BCH Đảng bộ huyện Đức Thọ về việc tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế Nông nghiệp - Nông thôn giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Nghị quyết số 09-NQ/HU ngày 10/10/2023 của BCH Đảng bộ huyện về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tập trung, tích tụ ruộng đất giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030;

- Chương trình hành động số 11-CTr/HU ngày 12/12/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đức Thọ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU.

2.2. Căn cứ thực trạng

Căn cứ vào điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của huyện, các đặc điểm về sản xuất trên địa bàn giai đoạn vừa qua, thực trạng của sản xuất nông nghiệp sau chuyển đổi ruộng đất giai đoạn 2 (năm 2009), từ đó đến nay đã và đang diễn ra nhiều bất cập trong tổ chức sản xuất, chưa có bước đột phá mới, chưa phù hợp với yêu cầu phát triển và tiếp cận các chính sách phát triển nông nghiệp đối với huyện nông nghiệp có trên 6.500 ha đất trồng lúa và là vựa lúa của tỉnh.

Vì vậy, việc tập trung, tích tụ ruộng đất để đưa cơ giới hóa vào sản xuất nhằm giảm chi phí, tạo điều kiện canh tác thâm canh giống năng suất chất lượng cao trên một vùng, là điều kiện để liên kết trong sản xuất đặc biệt là liên kết với doanh nghiệp trong sản xuất, tiêu thụ; tạo ra sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch để nâng cao hiệu quả, giá trị trên đơn vị diện tích là xu thế khách quan, tất yếu trong thời gian tới.

3. Sự cần thiết phải xây dựng Đề án

Từ khi giao đất theo Nghị định 64-CP đến nay, huyện Đức Thọ trải qua 02 lần chuyển đổi (lần 1 vào năm 2001, lần 2 vào năm 2009), số thửa đất/hộ gia đình giảm đáng kể (từ 9-10 thửa/hộ giảm xuống còn 3-4 thửa/hộ, diện tích bình quân/thửa đất đã tăng từ 474 m²/thửa lên 1076 m²/thửa). Hiện nay toàn huyện có 19.938 hộ sản xuất nông nghiệp, có 17.618 hộ trực tiếp sản trên đất trồng lúa 6.549,84 ha (đất giao hộ 5.061,76 ha; đất do UBND xã, tổ chức khác quản lý 1.488,08 ha). Bình quân đất lúa 3,4 thửa/hộ gia đình và bình quân

diện tích 1076 m²/thửa.

Kết quả chuyển đổi ruộng đất lần 2 đã bước đầu có hiệu quả, tuy nhiên chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm, tỷ trọng chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và lâm nghiệp trong cơ cấu ngành nông nghiệp còn thấp; chưa khai thác hết các tiềm năng, lợi thế phục vụ cho sản xuất. Một số bộ phận người dân không mặn mà với sản xuất và còn tình trạng ruộng bỏ hoang. Tư tưởng, nhận thức của một bộ phận lớn cán bộ địa phương và nhân dân trong xây dựng mô hình kinh tế chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra. Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đưa cơ giới hóa vào sản xuất còn gặp khó khăn do ruộng manh mún, nhỏ lẻ. Năng suất, sản lượng và chất lượng sản phẩm đạt thấp chưa liên doanh, liên kết bền vững, khi được mùa thì mất giá. Các mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ, an toàn chưa được nhiều.

Năm 2021 và 2022, huyện tập trung thực hiện mô hình phá bỏ thửa nhỏ, hình thành ô thửa lớn trên diện tích 530,6 ha (tại 11 xã, thị trấn). Bình quân diện tích 01 thửa sau khi phá bỏ thửa nhỏ đạt khoảng 6.155 m²/thửa, số thửa lớn nhất 4 ha. Tuy nhiên, việc phá bỏ thửa về lâu dài không đạt hiệu quả (vì đất nhà nào nhà đó vẫn sản xuất, số thửa đất sản xuất/hộ gia đình không giảm).

Chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông thôn có chuyển biến mạnh, theo hướng giảm tỷ trọng lao động trong nông nghiệp. Một số doanh nghiệp, Hợp tác xã, Tổ hợp tác chế biến, xuất khẩu gạo có nhu cầu liên kết với nông dân trên địa bàn huyện để sản xuất lúa theo hướng hàng hóa... Các xu thế trên được dự báo sẽ còn diễn biến mạnh hơn trong các giai đoạn tiếp theo. Chính vì vậy, việc xây dựng dựng “**Đề án tập trung, tích tụ ruộng đất giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030**” là hướng đi tất yếu để thích ứng với sự phát triển của xã hội.

PHẦN II NỘI DUNG ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Tập trung, tích tụ ruộng đất với mục tiêu khắc phục tình trạng ruộng đất phân tán, nhỏ lẻ, manh mún, dư thừa, bỏ hoang để hình thành cánh đồng mẫu lớn, vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn; tạo điều kiện cho doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và các thành phần kinh tế khác đầu tư sản xuất nông nghiệp hàng hóa, áp dụng công nghệ cao gắn với chuyển đổi số, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất, nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh của nông sản hàng hóa, thu hút các nguồn đầu tư, tạo sự liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và người nông dân để tổ chức sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn, gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ, góp phần nâng cao thu nhập cho người sản xuất, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh tái cơ cấu và phát triển nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, xây

dựng nông thôn mới theo hướng hiện đại, bền vững, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của các địa phương và của huyện phát triển.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Năm 2023: Tập trung, tích tụ khoảng 1.000 ha đất sản xuất nông nghiệp tại 3 xã Bùi La Nhân, Trường Sơn và Tùng Anh.

- Năm 2024: Triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn các địa phương còn lại.

- Quá trình tập trung tích tụ ruộng đất, hoàn thiện hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận QSD đất cho các địa phương hoàn thành Đề án.

- Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trong vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao với quy mô diện tích từ 02 ha trở lên; doanh nghiệp, hợp tác xã thông qua các hình thức tập trung ruộng đất tạo thành vùng sản xuất tập trung đạt quy mô từ 30 ha trở lên.

- Đối với khu vực được khoanh vùng thực hiện tập trung, tích tụ ruộng đất phần đầu còn 01-02 thửa/hộ, trong đó tối thiểu có 75%-80% số hộ sử dụng 01 thửa.

2. Quy mô và địa điểm thực hiện

Sau khi thu hoạch xong vụ Hè thu 2023, tập trung chỉ đạo thực hiện Đề án trên địa bàn 03 xã (Tùng Anh, Trường Sơn và Bùi La Nhân), các địa phương còn lại xây dựng phương án để có cơ sở thực hiện trong năm 2024.

3. Hình thức thực hiện

Sau khi tham quan, học tập kinh nghiệm tại một số địa phương thực hiện tốt Nghị quyết 06 trên địa bàn toàn tỉnh, trên cơ sở hướng dẫn chuyên môn của Sở Tài nguyên và Môi trường, ủy ban nhân dân huyện xây dựng một số hình thức thực hiện như sau:

3.1. Hình thức dồn điền, đổi thửa (chuyển đổi ruộng đất)

Việc thực hiện dồn điền, đổi thửa trên cơ sở tự nguyện, đồng thuận và đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ, công bằng, khách quan. Sau chuyển đổi, đảm bảo quy định mỗi hộ sử dụng 01-02 thửa đất; trong đó tối thiểu có 75%-80% số hộ sử dụng 01 thửa tại các vùng tập trung, tích tụ ruộng đất.

Hình thức này yêu cầu phải chỉnh trang, cải tạo đồng ruộng, quy hoạch hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng phù hợp với điều kiện sản xuất sau tập trung, tích tụ.

Căn cứ các quy định của nhà nước và điều kiện thực tế của địa phương, cấp xã lựa chọn phương thức, cách làm phù hợp, xây dựng phương án, kế hoạch, chỉ đạo công tác chuyển đổi ruộng đất đạt mục tiêu đề ra. Trong đó, lựa chọn cấp thôn, xóm, tổ dân phố làm đơn vị thực hiện.

Sau khi thực hiện xong chuyển đổi ruộng đất, tiến hành thực hiện đo vẽ chỉnh lý bản đồ địa chính, cắm mốc thực địa, hoàn thiện công tác cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tạo điều kiện cho các hộ yên tâm, ổn

định sản xuất.

3.2. Sau khi thực hiện xong hình thức dồn điền, đổi thửa trên địa bàn, UBND cấp xã hướng dẫn người dân, tổ chức, doanh nghiệp tiếp tục thực hiện các hình thức sau:

3.2.1. Tập trung ruộng đất theo hình thức thuê đất

Những hộ gia đình không có nhu cầu sản xuất hoặc có nhu cầu trả ruộng (làm đơn tự nguyện trả ruộng), UBND cấp xã hoàn thiện hồ sơ trình UBND huyện thu hồi, quy hoạch tại một vùng tập trung để kêu gọi các nhà đầu tư, doanh nghiệp, hộ gia đình thuê đất để phát triển sản xuất.

Trên cơ sở quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch vùng sản xuất và quy hoạch ngành, kêu gọi các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng đất thuê đất do UBND xã quản lý, thuê đất của người dân trong vùng quy hoạch. Hình thức trả tiền thuê đất có thể theo từng vụ, từng năm hoặc cho cả thời gian thuê (thỏa thuận ổn định để người thuê tính toán phương án đầu tư sản xuất).

3.2.2. Hình thức góp ruộng đất vào doanh nghiệp, Hợp tác xã hoặc Tổ hợp tác

Người nông dân góp quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp, Hợp tác xã hoặc Tổ hợp tác để cùng đầu tư, tiến hành tổ chức sản xuất, nâng cao sản phẩm nông nghiệp và cùng hưởng lợi thành quả sản xuất nhưng giá trị quyền sử dụng đất vẫn thuộc các hộ gia đình, cá nhân.

Với hình thức này, người nông dân góp diện tích đất có thể tiếp tục sản xuất trên đơn vị diện tích đất của mình hoặc không tham gia sản xuất nhưng được doanh nghiệp, Hợp tác xã hoặc Tổ hợp tác đồng thuận phân chia sản phẩm, lợi nhuận trên đơn vị diện tích góp (cổ phần diện tích góp thông qua đất đai). Doanh nghiệp, Hợp tác xã hoặc Tổ hợp tác là đơn vị chịu trách nhiệm làm đầu mối, điều hành tổ chức sản xuất, cung ứng vật tư nông nghiệp, bao tiêu sản phẩm và đồng thời chịu trách nhiệm liên hệ với địa phương nơi sở tại để giải quyết những vấn đề phát sinh (nếu có) trong quá trình tổ chức sản xuất.

3.2.3. Hình thức liên kết hợp tác với hộ gia đình, cá nhân

Đây là phương thức tập trung đất đai thông qua việc doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết, hợp tác sản xuất với người nông dân có đất. Phương thức này, người nông dân vẫn sản xuất trên ruộng đất của mình; doanh nghiệp, HTX thỏa thuận với người dân (với sự hỗ trợ của chính quyền) về cung cấp tư liệu sản xuất đầu vào (giống cây trồng, phân bón, máy móc thiết bị...), kỹ thuật canh tác cho người nông dân, bao tiêu sản phẩm đầu ra, cách thức tổ chức sản xuất, về tỷ lệ lợi nhuận (hoặc về giá mua lại sản phẩm sau khi thu hoạch). Như vậy, với hình thức liên kết, hợp tác với hộ gia đình, cá nhân có ruộng đất là điều kiện để hình thành vùng sản xuất tập trung, để cùng áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật từ giống, canh tác, cơ giới hóa...

4. Hiệu quả về kinh tế xã hội

4.1. Hiệu quả kinh tế

Đồng ruộng được chỉnh trang theo quy hoạch, hạ tầng phục vụ sản xuất (giao thông, thủy lợi) đồng bộ, thuận lợi và giảm thời gian di chuyển đi sản xuất trên 1 cánh đồng, trên 1 thửa, đưa cơ giới vào sản xuất, giảm dần lao động thủ công truyền thống.

Nâng cao khả năng áp dụng tiến bộ khoa học, ứng dụng công nghệ mới, công nghệ số vào sản xuất nông nghiệp, nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp trên một đơn vị diện tích, tăng thu nhập cho người dân, doanh nghiệp; tăng cơ hội hợp tác với doanh nghiệp trong sản xuất, tiêu thụ.

4.2. Hiệu quả xã hội

Điều kiện sản xuất tốt hơn nên thu hút được lao động trong nông nghiệp, kể cả lao động được đào tạo bài bản, khai thác tối đa về tiềm năng đất đai, khắc phục diện tích đất bỏ hoang manh mún, nhỏ lẻ do một số người dân không có nhu cầu sản xuất...

Các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp tại địa phương sẽ tạo ra sự chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông nghiệp, rút dần lao động trong nông nghiệp sang lao động trong các lĩnh vực khác như công nghiệp, dịch vụ..., cân đối và tạo sự ổn định được lao động giữa các ngành để phát triển.

Tạo công ăn việc làm ổn định cho lao động trong nông thôn, giảm bớt tai, tệ nạn xã hội.

5. Một số khó khăn trong quá trình thực hiện

Hiện trạng ruộng sản xuất manh mún, diện tích thửa đất nhỏ và không đồng đều Địa hình sản xuất không bằng phẳng nên hình thành các thửa ruộng có độ cao khác nhau vì vậy quá trình quy hoạch, cải tạo mặt bằng tốn kém, khó khăn.

Bên cạnh đó, tâm lý ngại thay đổi, sợ khó khăn của một bộ phận cán bộ và nhân dân cũng là một trở ngại trong việc triển khai thực hiện Đề án. Một bộ phận người nông dân không mặn mà với sản xuất nông nghiệp, có tư tưởng để mong chờ đền bù giải phóng mặt bằng.

Việc áp dụng cơ giới hóa đồng bộ vào sản xuất do các doanh nghiệp đảm nhận tất cả các khâu từ làm đất, bón phân, bắc mạ, phun thuốc BVTV đến thu hoạch sẽ dẫn đến dư thừa máy làm đất của bà con nông dân, dư thừa lao động tại các vùng quy hoạch mô hình.

6. Chính sách áp dụng

6.1. Chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh

6.1.1. Hỗ trợ thực hiện chuyển đổi ruộng đất, phá bỏ bờ thửa đảm bảo mục tiêu mỗi hộ sử dụng 01 - 02 thửa (trong đó có đến 75 - 80% số hộ sử dụng 01 thửa) tại các vùng tập trung, tích tụ ruộng đất:

a) Hỗ trợ công tác tuyên truyền, tập huấn thực hiện tập trung, tích tụ ruộng đất: Mức hỗ trợ 0,5 triệu đồng/ha theo kết quả thực hiện (phát sinh từ vụ Xuân năm 2022 trở đi);

b) Hỗ trợ công tác đo đạc chỉnh lý bản đồ, lập hồ sơ địa chính: Mức hỗ trợ 1,34 triệu đồng/ha;

c) Hỗ trợ cấp đổi Giấy chứng nhận sau khi hoàn thành tập trung, tích tụ ruộng đất: Mức hỗ trợ 278.000 đồng/giấy chứng nhận.

6.1.2. Hỗ trợ phá bỏ bờ thửa, di dời mỏ mả, san phẳng mặt ruộng và đầu tư nâng cấp, mở rộng hạ tầng phục vụ sản xuất tại các vùng tập trung, tích tụ ruộng đất có quy mô diện tích liền vùng tối thiểu đối với đất trồng lúa 10 ha, đối với đất trồng cây hàng năm khác 05 ha: Mức hỗ trợ 05 triệu đồng/ha, tối đa 300 triệu đồng/cấp xã/năm.

6.1.3. Tổ chức, cá nhân thuê đất sản xuất nông nghiệp (đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác) của hộ gia đình, cá nhân với thời gian thuê đất từ 05 năm trở lên với quy mô liền vùng tối thiểu 10 ha đối với tổ chức, 03 ha đối với hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ 02 năm với mức hỗ trợ 08 triệu đồng/ha/năm (hỗ trợ trực tiếp cho người thuê đất).

6.2. Ngoài chính sách hỗ trợ của tỉnh, huyện bố trí ngân sách hỗ trợ các nội dung sau

6.2.1. Hỗ trợ đơn vị thực hiện thành công Đề án (gọi chung là xã): Dưới 100 ha: 30 triệu đồng/xã; Từ 101 ha đến 500 ha: 50 triệu đồng/xã; Từ 501 ha trở lên: 100 triệu đồng/xã.

6.2.2. Hỗ trợ Tổ chuyên đổi (thôn/xóm/tổ dân phố): 15 triệu đồng/tổ.

6.2.3. Hỗ trợ kinh phí tư vấn thiết kế quy hoạch thửa ruộng và chuyển mốc ranh giới thửa đất ra thực địa: Mức hỗ trợ 150.000 đồng/thửa.

6.2.4. Hỗ trợ 50% gạch đặc xây dựng kênh mương cứng nội đồng khu vực tập trung, tích tụ (50.000 viên/km, tương đương 85 triệu đồng/km hoặc hỗ trợ 85 triệu đồng/km đối với kênh đổ bê tông sau khi được nghiệm thu của các phòng chuyên môn).

6.2.5. Hỗ trợ nâng cấp giao thông nội đồng (tối thiểu rộng 5m) 50 triệu đồng/km (tối đa 300 triệu đồng/xã đối với xã thực hiện dưới 500 ha, tối đa 500 triệu đồng/xã đối với xã thực hiện từ 500 ha trở lên)

6.2.6. Hỗ trợ kinh phí học tập kinh nghiệm, triển khai thực hiện Đề án: 50 triệu đồng/xã.

6.2.7. Hỗ trợ giống lúa mới theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa. Mức hỗ trợ 0,5 triệu đồng/ha.

6.2.8. Hỗ trợ kinh phí khảo sát, học tập, xây dựng Đề án, hoạt động của Ban chỉ đạo huyện: 500 triệu đồng.

7. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Đề án dự kiến 54,23 tỷ đồng (ngân sách tỉnh 30,55 tỷ đồng, ngân sách huyện 23,68 tỷ đồng). Trong đó:

- Năm 2023 dự kiến 9,9 tỷ đồng (ngân sách tỉnh 5,27 tỷ đồng, ngân sách huyện 4,67 tỷ đồng).

- Năm 2024, 2025 dự kiến 44,29 tỷ đồng (ngân sách tỉnh 25,29 tỷ đồng, ngân sách huyện 19 tỷ đồng).

(Có biểu chi tiết kèm theo)

PHẦN III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành lập Ban chỉ đạo

Trên cơ sở Nghị Quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, Quyết định của Ban thường vụ Huyện ủy về phân công Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, cán bộ chỉ đạo cơ sở để thực hiện Đề án này. UBND huyện thành lập Ban chỉ đạo và căn cứ vào chức năng của các phòng, ban, đơn vị cấp huyện được phân công cụ thể như sau:

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường

- Là cơ quan thường trực của huyện thực hiện Đề án, tham mưu thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Đề án. Chủ trì, phối hợp với các phòng, ngành và địa phương triển khai thực hiện Đề án; đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án. Tổng hợp kết quả triển khai thực hiện Đề án báo cáo UBND huyện;

- Tham mưu UBND huyện ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án;

- Phối hợp phòng Tài chính - Kế hoạch xây dựng kế hoạch kinh phí hàng năm để thực hiện Đề án;

- Thẩm định Phương án cải tạo đất tại các địa phương, tham mưu UBND huyện xem xét, quyết định;

- Phối hợp Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh Hương Sơn - Đức Thọ hướng dẫn UBND cấp xã rà soát các nội dung liên quan đến thực hiện theo quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt; chỉnh lý biến động hồ sơ địa chính; hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ liên quan đến công tác cấp GCN QSD đất sau tích tụ, tập trung đất đai.

3. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Phối hợp Phòng Tài nguyên - Môi trường, các phòng, ngành liên quan chỉ đạo UBND cấp xã tổ chức thực hiện hiệu quả Đề án này;

- Phối hợp phòng Kinh tế - Hạ tầng rà soát điều chỉnh, bổ sung quy hoạch hệ thống thủy lợi nội đồng tại các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn để phục vụ sản xuất nông nghiệp;

- Phối hợp phòng Tài chính - Kế hoạch và các phòng ban liên quan kêu gọi, xúc tiến các doanh nghiệp đầu tư liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm tại các vùng sản xuất lúa tập trung quy mô lớn.

4. Phòng Kinh tế - Hạ tầng

- Phối hợp với phòng Nông nghiệp - PTNT hướng dẫn các xã, thị trấn quy hoạch, thiết kế đồng ruộng đảm bảo đồng bộ hệ thống đường giao thông, kênh mương phục vụ sản xuất đáp ứng hạ tầng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

- Thẩm định phương án, thiết kế đối với hạng mục quy hoạch giao thông, thủy lợi nội đồng, quy hoạch đồng ruộng.

5. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Chủ trì phối hợp các phòng, ngành liên quan hướng dẫn các xã xây dựng Phương án, duyệt Dự toán kinh phí thực hiện tập trung, tích tụ ruộng đất của các địa phương về việc bố trí nguồn ngân sách để triển khai thực hiện Đề án theo từng năm. Hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ, dự toán, thẩm định, trình UBND tỉnh cấp kinh phí hỗ trợ theo Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh; thẩm định, trình UBND huyện cấp kinh phí hỗ trợ đối với từng nội dung cụ thể theo Đề án.

6. Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh Hương Sơn - Đức Thọ

Hợp đồng với UBND các xã, thị trấn trong việc quy hoạch đồng ruộng và đưa mốc ra thực địa, thiết kế cánh đồng, công tác đo đạc, chỉnh lý bản đồ, hoàn thiện hồ sơ địa chính, hướng dẫn người dân kê khai cấp GCN QSD đất sau khi thực hiện tích tụ, tập trung đất đai.

7. Phòng Văn hóa - Thông tin, Trung tâm Văn hóa - Truyền thông huyện

Tổ chức tuyên truyền Đề án đến tận người dân, trên hệ thống truyền thanh của huyện, xã và thôn xóm để tạo sự đồng thuận cao trong nhân dân; thường xuyên đưa tin bài về kết quả, các điển hình tiên tiến để các địa phương, nhân dân biết và thực hiện.

8. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Trên cơ sở Đề án của huyện, xây dựng Kế hoạch triển khai trên địa bàn xã, thị trấn phù hợp với điều kiện thực tế của từng vùng để tổ chức thực hiện có hiệu quả.

- Thành lập Ban chỉ đạo cấp xã, Tổ chuyên đổi tích tụ tại các thôn, phân công nhiệm vụ và địa bàn phụ trách cụ thể cho từng cấp ủy viên, thành viên Ban chỉ đạo để tổ chức thực hiện đảm bảo hiệu quả; Phân công MTTQ và các đoàn thể cấp xã, các đoàn công tác để tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên tích cực hưởng ứng tham gia.

- Căn cứ các cơ chế, chính sách của tỉnh, huyện để tập trung tuyên truyền, vận động nhân dân tổ chức thực hiện; đồng thời có chính sách phù

hợp với tiềm năng, lợi thế và nhu cầu của địa phương để hỗ trợ, thu hút các Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm tại các vùng sản xuất quy mô lớn. Ngoài chính sách của tỉnh, huyện, cần có thêm chính sách hỗ trợ công tác tập trung, tích tụ ruộng đất trên địa bàn các thôn xóm, tổ dân phố.

- Chỉ đạo Tổ tích tụ, chuyển đổi tập trung tuyên truyền, vận động cán bộ và nhân dân nắm bắt chủ trương, phương án, quy mô, thời gian triển khai. Xây dựng phương án phù hợp với văn bản chỉ đạo và tình hình thực tiễn của từng thôn. Tổ chức nghe, duyệt phương án thống nhất trước lúc tổ chức triển khai thực hiện.

- Phối hợp với các phòng, ban, đơn vị liên quan của huyện để chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung liên quan về tập trung ruộng đất, hình thành vùng sản xuất quy mô lớn, tăng cường liên kết để nâng cao hiệu quả, giá trị trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.

9. Kiến nghị, đề xuất

- Đề nghị Hội đồng nhân dân huyện, ưu tiên cân đối ngân sách hàng năm để phân bổ nguồn vốn hỗ trợ thực hiện Đề án;

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc, các ban, ngành, đoàn thể cấp huyện phối hợp với Ban chỉ đạo, UBND huyện và các địa phương tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, nhân dân tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án;

- Đề nghị các Đoàn công tác của BTV Huyện ủy, các đồng chí cán bộ huyện chỉ đạo cơ sở theo địa bàn được phân công phối hợp chặt chẽ với UBND huyện, các phòng, ngành liên quan để chỉ đạo, đôn đốc các xã, thị trấn tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án này./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Các sở: TN-MT, NN-PTNT (báo cáo);
- TTr Huyện ủy, TTr HĐND huyện;
- Các đ/c UV BTV, UV BCH Huyện ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Ủy viên UBND huyện;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Các HTX Nông nghiệp trên địa bàn;
- Lưu: VT, TN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Hoài Đức

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC THỌ**

TỔNG HỢP SỐ LIỆU SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÀ DỰ KIẾN NHU CẦU KINH PHÍ

ĐVT: triệu đồng

TT	Đơn vị	Đất trồng lúa			Kinh phí huyện								Tổng
		Số hộ	Số thửa	Diện tích (ha)	Hỗ trợ các xã thực hiện thành công Đề án	Hỗ trợ Tổ chuyên đội (thôn/xóm)	Hỗ trợ tham quan học tập kinh nghiệm	Hỗ trợ cứng hóa kênh mương (85tr/km)	Hỗ trợ nâng cấp giao thông nội đồng (tối thiểu rộng 5m) 50tr/km (tối đa 300 tr/xã đối với xã thực hiện dưới 500ha, tối đa 500tr/xã đối với xã thực hiện từ 500ha trở lên)	Chuyển móc QH ra thực địa (150 ngàn/thửa)	Hỗ trợ 50% giống theo Nghị định 62/NĐ-CP (0,5 triệu/ha)		
1	Tùng Ảnh	818	3.210	213,57	50	165	50	85	300	255,63	106,79	1.012,41	
2	Trường Sơn	913	1.871	298,54	50	105	50	255	300	285,31	149,27	1.194,58	
3	Bùi La Nhân	1.785	7.452	569,37	100	135	50	340	500	557,81	284,68	1.967,50	
4	Đức Lạng	714	2.205	156,99	50	75	50	212,5	300	223,13	78,50	989,12	
5	Đức Đồng	1.160	5.426	367,45	50	135	50	127,5	300	362,50	183,73	1.208,73	
6	Hòa Lạc	1.520	2.786	508,13	100	195	50	255	500	475,00	254,06	1.829,06	
7	Tân Hương	377	3.300	85,74	30	60	50	85	300	117,81	42,87	685,68	
8	Tân Dân	1.250	3.522	585,77	100	180	50	297,5	500	390,63	292,88	1.811,01	
9	An Dũng	1.870	5.804	767,63	100	195	50	527	500	584,38	383,81	2.340,19	
10	Lâm Trung Thủy	2.518	15.145	907,43	100	225	50	340	500	786,88	453,72	2.455,59	
11	Thanh Bình Thịnh	3.541	7.723	801,47	100	210	50	170	500	1.106,56	400,74	2.537,30	
12	Yên Hồ	1.024	3.072	340,34	50	90	50	85	300	320,00	170,17	1.065,17	
13	Thị Trấn	867	2.457	196,94	50	75	50	85	300	270,94	98,47	929,41	
14	Liên Minh	942	3.768	199,30	50	60	50	212,5	300	294,38	99,65	1.066,52	
15	Tùng Châu	1.115	3.283	312,32	50	105	50	85	300	348,44	156,16	1.094,60	
16	Quang Vĩnh	720	2.341	238,85	50	120	50	127,5	300	225,00	119,42	991,92	
17	Kinh phí xây dựng đề án, hoạt động của ban chỉ đạo huyện											500,00	
	Tổng	12.597	43.593	6.549,84	1.080	2.130	800	3.289,5	6.000	6.604,38	3.274,92	23.678,79	

UBND HUYỆN ĐỨC THỌ

TỔNG HỢP SỐ LIỆU SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÀ DỰ KIẾN NHU CẦU KINH PHÍ
(Theo NQ 51/NQ-HĐND tỉnh)

TT	Đơn vị	Đất trồng lúa			Kinh phí NQ 51/NQ-HĐND tỉnh					Tổng
		Số hộ	Số thửa	Diện tích (ha)	Tuyên truyền, tập huấn (0,5tr/ha)	Đo đạc, chỉnh lý bản đồ (1,34tr/ha)	Cấp GCN (278 ngàn/giấy)	Cải tạo đồng ruộng 1tr/ha, tối đa 300tr/xã/năm	Tổ chức, cá nhân thuê đất SXNN của hộ gia đình ≥ 5 năm trở lên (tổ chức 10ha, cá nhân 3ha) 8tr/ha	
1	Tùng Ảnh	818	3.210,0	213,57	106,79	240,26	284,26	300	400	1.331,30
2	Trường Sơn	913	1.871,0	298,54	149,27	400,05	317,27	300	400	1.566,59
3	Bùi La Nhân	1.785	7.452,0	569,37	284,68	762,95	620,29	300	400	2.367,92
4	An Dũng	1.870	5.804,0	767,63	383,81	1.028,62	649,83	300	400	2.762,26
5	Tùng Châu	1.115	3.283,0	312,32	156,16	418,51	387,46	300	400	1.662,14
6	Quang Vĩnh	720	2.341,0	238,85	119,42	320,05	250,20	300	400	1.389,67
7	Đức Đồng	1.160	5.426,0	367,45	183,73	492,39	403,10	300	400	1.779,22
8	Đức Lạng	714	2.205,0	156,99	78,50	210,37	248,12	300	400	1.236,98
9	Hòa Lạc	1.520	2.786,0	508,13	254,06	680,89	528,20	300	400	2.163,16
10	Tân Hương	377	3.300,0	85,74	42,87	114,89	131,01	300	400	988,77
11	Tân Dân	1.250	3.522,0	585,77	292,88	784,93	434,38	300	400	2.212,19
12	Lâm Trung Thủy	2.518	15.145,0	907,43	453,72	1.215,96	875,01	300	400	3.244,68
13	Thanh Bình Thịnh	3.541	7.723,0	801,47	400,74	1.073,97	1.230,50	300	400	3.405,20
14	Yên Hồ	1.024	3.072,0	340,34	170,17	456,05	355,84	300	400	1.682,06
15	Thị Trấn	867	2.457,0	196,94	98,47	263,90	301,28	300	400	1.363,66
16	Liên Minh	942	3.768,0	199,30	99,65	267,06	327,35	300	400	1.394,05
	Tổng	17.618	60.832	6.549,84	3.274,92	8.730,86	7.344,07	4.800	6.400	30.549,84